|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case |  | Tên Use case | Tạo hóa đơn |
| Tác nhân | | Nhân viên | |
| Mục đích Use case | | Tạo hóa đơn bán hàng | |
| Sự kiện kích hoạt | | Nhân viên chọn chức năng tạo hóa đơn | |
| Tiền điều kiện | | Đã tồn tại đơn hàng | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Nhân viên | Nhấn vào chức năng tạo hóa đơn trên giao diện quản lý hóa đơn | | 2 | Hệ thống | Hiển thị thông báo để nhân viên xác nhận trước khi đưa dữ liệu trên hệ thống | | 3 | Nhân viên | Nhân viên nhấn nút đồng ý | | 4 | Hệ thống | Hệ thống thông báo tạo hóa đơn thành công và quay trở lại giao diện quản lý hóa đơn | | |
| Luồng sự kiện thay thế | | Không | |
| Hậu điều kiện | | Hệ thống thông báo tạo hóa đơn thành công và tạo bản ghi trong cơ sở dữ liệu | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case |  | Tên Use case | Tìm kiếm hóa đơn |
| Tác nhân | | Nhân viên | |
| Mục đích Use case | | Tìm kiếm hóa đơn bán hàng | |
| Sự kiện kích hoạt | | Nhân viên chọn chức năng tìm kiếm hóa đơn | |
| Tiền điều kiện | | Đã đăng nhập với vai trò nhân viên | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Nhân viên | Nhấn vào chức năng tìm kiếm hóa đơn trên giao diện quản lý hóa đơn | | 2 | Hệ thống | Hiển thị giao diện cho phép nhân viên tìm kiếm hóa đơn theo các trường thông tin trong hóa đơn | | 3 | Nhân viên | Nhập các trường thông tin cần thiết của hóa đơn và nhấp nút tìm kiếm | | 4 | Hệ thống | Hiển thị danh sách các hóa đơn phù hợp với các trường thông tin mà nhân viên đã nhập | | |
| Luồng sự kiện thay thế | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 3a | Nhân viên | Nhập thiếu hoặc sai các trường thông tin của hóa đơn | | 4a | Hệ thống | Thông báo không có hóa đơn phù hợp với các trường thông tin mà nhân viên đã nhập | | |
| Hậu điều kiện | | Hệ thống hiển thị danh sách các hóa đơn phù hợp với các trường thông tin mà nhân viên đã nhập | |

\*Dữ liệu đầu vào bao gồm các trường dữ liệu sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
| 1 | Tên mặt hàng |  | Có |  | DELL XPS 15 9500 |
| 2 | Số lượng |  | Có |  | 1 x [Tên mặt hàng] |
| 3 | Tạm tính |  | Có |  | 70.000.000 đ |
| 4 | Thành tiền |  | Có |  | 70.000.000 đ |
| 5 | Họ và tên |  | Có |  | Nguyễn Văn A |
| 6 | Số điện thoại |  | Có |  | 09678520560 |
| 7 | Địa chỉ |  | Có |  | Số 95 Trần Khát Chân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case |  | Tên Use case | Lọc hóa đơn |
| Tác nhân | | Nhân viên | |
| Mục đích Use case | | Lọc hóa đơn bán hàng | |
| Sự kiện kích hoạt | | Nhân viên chọn chức năng lọc hóa đơn | |
| Tiền điều kiện | | Đã đăng nhập với vai trò nhân viên | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Nhân viên | Nhấn vào chức năng lọc hóa đơn trên giao diện quản lý hóa đơn | | 2 | Hệ thống | Hiển thị giao diện cho phép nhân viên lọc hóa đơn theo các trường trong bộ lọc | | 3 | Nhân viên | Chọn các trường trong bộ lọc | | 4 | Hệ thống | Hiển thị danh sách các hóa đơn phù hợp với bộ lọc | | |
| Luồng sự kiện thay thế | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 4a | Hệ thống | Thông báo không có hóa đơn phù hợp với bộ lọc nhân viên đã chọn | | |
| Hậu điều kiện | | Hệ thống hiển thị danh sách các hóa đơn phù hợp với bộ lọc | |

\*Dữ liệu đầu vào bao gồm các trường dữ liệu sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
| 1 | Giá trị hóa đơn tăng dần |  |  |  |  |
| 2 | Giá trị hóa đơn giảm dần |  |  |  |  |
| 3 | Tỉnh/Thành phố |  |  |  |  |
| 4 | Quận/Huyện |  |  |  |  |
| 5 | Phường/ Xã |  |  |  |  |
| 6 | Họ và tên |  |  |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case |  | Tên Use case | Xem chi tiết hóa đơn |
| Tác nhân | | Nhân viên | |
| Mục đích Use case | | Xem chi tiết hóa đơn bán hàng | |
| Sự kiện kích hoạt | | Nhân viên chọn chức năng xem chi tiết hóa đơn | |
| Tiền điều kiện | | Đã đăng nhập với vai trò nhân viên | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Nhân viên | Nhấn vào chức năng tên hóa đơn trên giao diện quản lý hóa đơn | | 2 | Hệ thống | Hiển thị giao diện với các thông tin cụ thể về hóa đơn | | |
| Luồng sự kiện thay thế | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 2a | Hệ thống | Thông báo không có thông tin chi tiết về hóa đơn | | |
| Hậu điều kiện | | Hệ thống hiển thị các thông tin cụ thể về hóa đơn | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case |  | Tên Use case | Xóa hóa đơn |
| Tác nhân | | Nhân viên | |
| Mục đích Use case | | Xóa hóa đơn bán hàng | |
| Sự kiện kích hoạt | | Nhân viên chọn chức năng xóa hóa đơn | |
| Tiền điều kiện | | Đã đăng nhập với vai trò nhân viên | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Nhân viên | Nhấn vào chức năng xóa hóa đơn trên giao diện quản lý hóa đơn | | 2 | Hệ thống | Thông báo để nhân viên xác nhận xóa hóa đơn | | 3 | Nhân viên | Chọn đồng ý xóa hóa đơn | | 4 | Hệ thống | Hệ thống thông báo xóa hóa đơn thành công và quay trở lại giao diện quản lý hóa đơn. | | |
| Luồng sự kiện thay thế | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 3a | Nhân viên | Chọn không xóa hóa đơn | | 4a | Hệ thống | Quay trở lại giao diện quản lý hóa đơn. | | |
| Hậu điều kiện | | Hệ thống xóa thành công hóa đơn. | |